TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 11-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V, địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận L, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Xã Đ, huyện M, tỉnh Q; địa chỉ nơi làm việc: Tầng 2, số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố H – Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2019), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Số 58A ấp H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vương Kim D, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số 58A ấp H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/05/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/4/2015, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015 với ông Nguyễn Ngọc Q. Theo hợp đồng, Ngân hàng TMCP V cho ông Q vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 30%/năm = 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Thời hạn vay 36 tháng, phương thức thanh toán trả dần trong 36 tháng (trong đó 35 tháng đầu thanh toán 2.563.021 đồng, tháng thứ 36 thanh toán 2.563.020 đồng), tổng cộng Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 92.268.755 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 24/5/2015.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP V giải ngân số tiền vay theo hợp đồng cho ông Q và ông Q đã thanh toán tiền lãi, tiền gốc được 07 lần vào các ngày 25/5/2015, 24/06/2015, 24/07/2015, 26/8/2015, 25/12/2015. 31/10/2017 và 13/12/2017 với tổng số tiền 24.459.309 đồng. Kể từ ngày 13/12/2017 ông Q không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng TMCP V đã thông báo cho ông Q nhiều lần. Như vậy, tính đến ngày 11/10/2019 ông Q còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền 144.850.261 đồng (trong đó tiền nợ gốc 54.850.261 đồng, tiền lãi 89.550.274 đồng). Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 144.400.535 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Kim D phải liên đới thanh toán số tiền còn nợ. Tại đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/10/2019 nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Q thanh toán số tiền còn nợ 144.400.535 đồng cho nguyên đơn. Không yêu cầu ông bà Vương Kim D phải liên đới cùng với ông Q thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn.

Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc Q vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Kim D vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Kim D vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị H đã có lời khai đầy đủ và có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Nguyễn Ngọc Q thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP V có cho ông Nguyễn Ngọc Q vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 30%/năm = 2,5%/tháng để tiêu dùng cá nhân nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại Điều 3 mục E Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Xét Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP V với ông Nguyễn Ngọc Q thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP V được số tiền vay gốc là 5.149.739 đồng và tiền lãi 19.309.570 đồng. Kể từ tháng 12/2017 đến thời điểm Ngân hàng TMCP V khởi kiện, ông Q không thanh toán số tiền nợ đến hạn, như vậy ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP V. Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Kim D phải liên đới thanh toán số tiền còn nợ, tại đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/10/2019 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông Q thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Từ những phần tích trên, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ

tính đến ngày 11/10/2019 là số tiền 144.400.535 đồng (trong đó tiền nợ gốc 54.850.261 đồng, tiền lãi 89.550.274 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi ông Nguyễn Ngoc Q trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 355, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn ông Nguyễn Ngọc Q.

Buộc ông Nguyễn Ngọc Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 144.400.535 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc 54.850.261 đồng, tiền lãi 89.550.274 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi ông Nguyễn Ngọc Q trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/4/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc không yêu cầu bà Vương Kim D phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Ngọc Q thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc Q phải chịu 7.220.027 đồng (bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn không trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 3.339.190 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035691 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Đình Hiệp